

Số: 39 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 4 và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản có những thuận lợi như độ mặn không gây gắt và không gây áp lực cho sản xuất, nước ngọt dự trữ trong nội đồng đảm bảo phục vụ sản xuất; dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi cơ bản được kiểm soát; giá heo hơi, dừa khô bắt đầu tăng trở lại và một số loại mặt hàng thủy sản như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, cá lóc luôn ở mức cao; các công tác chuyên môn thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và một số dịch bệnh trong chăn nuôi có thể bộc phát; giá một số hoa quả và mía nguyên liệu ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

- Tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 phát triển HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Ban hành: Kế hoạch số 283/KH-SNN-VP ngày 18/4/2019 về Phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2019; Kịch bản số 31/SNN-CNTY ngày 12/3/2019 xử lý bệnh Dịch tả heo Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh; thông báo lịch thời vụ xuống giống lúa vụ Hè Thu và ban hành 11 Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây các loại.

- Tham mưu thành lập Ban soạn thảo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về lĩnh vực chăn nuôi; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Lập hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

- Đang lấy ý kiến các Sở, ban ngành tỉnh dự thảo Quyết định của UBND về ban hành sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Trà Vinh.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây lúa: Thu hoạch 39.958 ha, lúa Đông Xuân, lũy kế đến nay thu hoạch 50.134 ha, đạt 75,29% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 6,28 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,14 tấn/ha. Hiện lúa Đông Xuân trong giai đoạn trổ đến chín nên sâu bệnh không đáng kể, chỉ xuất hiện rải rác 172 ha, gồm rầy nâu 155 ha, mật độ 750 - 1.500 con/m², cục bộ có 07 ha, mật độ 1.000 - 3.000 con/m² tập trung ở một số của huyện Trà Cú và Cầu Kè; lem lép hạt 03 ha, tỷ lệ 5-10 % ở Phường 9, thành phố Trà Vinh; bệnh đạo ôn 08 ha, tỷ lệ 5-10%, chuột 04 ha, tỷ lệ 2,5-5%, đốm vằn 02 ha, tỷ lệ 10% ở xã Phong Phú, huyện Cầu Kè. Ngoài ra, còn có các đối tượng gây hại khác như vàng lá chín sớm, đạo ôn cổ bông, bạc lá,... xuất hiện rải rác với tỷ lệ thấp. Lúa Hè Thu sớm Xuống giống 5.090 ha (Càng Long 3.790 ha, Cầu Kè 1.300 ha) giai đoạn mạ đến đẻ nhánh.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 2.710 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 25.239 ha, đạt 45,64% kế hoạch (thấp hơn cùng kỳ 758 ha), gồm: Màu lương thực 3.207 ha, màu thực phẩm 13.750 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 8.282 ha; xây dựng 01 mô hình liên kết, tiêu thụ sản phẩm cây khoai môn, diện tích 20 ha tại xã Đại An, huyện Trà Cú, sản lượng thu mua 360 tấn.

Tiếp tục theo dõi hệ thống bẫy đèn, kiểm tra các diêm dự tính, dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại; tổ chức 04 lớp tập huấn phòng trừ rầy nâu cho 114 nông dân tại các xã Tân Sơn, Tập Sơn, Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú; xây dựng kế hoạch tổ chức khám bệnh lưu động trên cây trồng tại các huyện; thu thập 10.000 ong ký sinh ngoài tự nhiên để tạo nguồn nhân nuôi để khống chế bọ cánh cứng hại dừa.

b) Chăn nuôi, thú y

Trong tháng, tình hình chăn nuôi phát triển trở lại, áp lực của bệnh dịch tả heo Châu Phi đã giảm, giá heo hơi tăng 3.000-4.000 đồng/kg so với tháng trước, nhiều hộ chăn nuôi heo đã tăng đàn trở lại, chăn nuôi bò vỗ béo kết hợp nguồn cỏ sẵn có và thức ăn công nghiệp nên đàn bò phát triển nhanh, chăn nuôi gia cầm phát triển khá, do có nhiều mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, giá cả và thị trường tiêu thụ ổn định; bệnh cúm gia cầm và LMLM gia súc đã qua 21 ngày không phát sinh trường hợp mới; các trường hợp chó dại đã được kiểm soát, không phát sinh trường hợp mới.

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm được 535.140 gia cầm; LMLM 15.099 gia súc; Dại chó, mèo 1.955 liều; các bệnh thường xuyên 169.650 liều và các loại vắc xin khác hơn 01 triệu liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh 19.031 con gia súc, 410.186 con gia cầm và 98,8 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm 994.660 gia cầm; LMLM 26.878 gia súc; Dại chó, mèo 3.124 liều; các bệnh thường xuyên 410.223 liều và các loại vắc xin khác 2,19 triệu liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

xuất - nhập tỉnh 110.29 gia súc; 1,07 triệu con gia cầm và 273,6 tấn sản phẩm động vật.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi; kiểm tra việc mua bán, giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm, đặc biệt là heo; kiểm tra tại các Chốt Kiểm dịch trên các tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 nhằm kiểm soát tình hình gia súc, gia cầm và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh, đặc biệt là tình hình heo và sản phẩm heo nhập tỉnh phát hiện 30 xe vận chuyển gia súc, gia cầm không đăng ký kiểm dịch hoặc không đầy đủ thủ tục kiểm dịch theo quy định, đã xử lý theo quy định.

c) Lâm nghiệp

- Tổ chức phun xịt thuốc diệt rệp sáp tấn công trên cây đước tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, diện tích 03 ha (lần 2); báo cáo chủ trương đầu tư Dự án đầu tư phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Long Khánh gắn với du lịch sinh thái; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng các đoạn sạt lở ven sông hậu trên địa bàn huyện Trà Cú

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức đấu thầu thi công trồng rừng thuộc Dự án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sang thi công luồng tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu.

- Khảo sát, thiết kế trồng rừng thay thế Luồng tàu biển 29,914 ha tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; nghiệm thu công tác vệ sinh phòng cháy chữa cháy rừng, diện tích 268,63 ha đạt 100% kế hoạch; triển khai kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán và kế hoạch khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh; tổ chức 81 lượt tuần tra bảo vệ rừng, kết quả không phát hiện vi phạm; xác nhận 02 bảng kê xuất bán và cấp 03 giấy phép nuôi động vật hoang dã. Nâng đến nay đã tổ chức 335 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 01 trường hợp phá rừng trái Pháp luật làm thiệt hại 160 m² rừng đước và mấm tại ấp Động Cao, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; xác nhận 15 bảng kê xuất bán và cấp 10 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 17.175 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch đến nay 54.124 tấn, đạt 24,8% kế hoạch, tăng 9.833 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 5.923 ha, thu hoạch 10.831 tấn (3.702 tấn cá lóc, 954 tấn tôm sú, 3.395 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đã thả nuôi 20.071 ha, thu hoạch 30.378 tấn (11.437 tấn cá lóc, 2.015 tấn tôm sú, 7.726 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 21,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 8.474 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 336,7 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.735 ha; 600,4 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 940,5 ha; 38,3 triệu con cua biển, diện tích 106,6 ha; thu hoạch 5.085 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 1,09 tỷ con tôm sú, diện tích 16.103 ha; 1,7 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 3.050 ha; 60,7 triệu con cua biển, diện tích 353 ha; thu hoạch 11.012 tấn (thấp hơn cùng kỳ 2.687 tấn).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 17,3 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 140,2 ha (cá lóc 11,4 triệu con, diện tích 26,6 ha); thu hoạch 5.746 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 78,9 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 564,3 ha (cá lóc 47,3 triệu con, diện tích 90,2 ha); thu hoạch 19.365 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.786 tấn).

- Khai thác: Sản lượng 6.344 tấn (904,6 tấn tôm), trong đó: Khai thác nội đồng 646 tấn (159 tấn tôm), khai thác hải sản 5.698 tấn (745,6 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng khai thác đạt 23.746 tấn (3.664 tấn tôm), đạt 30,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.359 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 2.866 tấn (981 tấn tôm), khai thác hải sản 20.880 tấn (2.683 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 908 tấn thủy sản (tôm sú 60 tấn, tôm thẻ 421 tấn), chế biến 542 tấn, tiêu thụ 405 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 2,19 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 2.277 tấn thủy sản (tôm sú 128 tấn, tôm thẻ 1.153 tấn), chế biến 1.529 tấn, tiêu thụ 1.033 tấn, kim ngạch xuất khẩu 6,05 triệu USD.

- Kiểm dịch 13,1 triệu con giống tôm sú và 229,4 triệu con giống tôm thẻ chân trắng; thu 16 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích kết quả 05 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Nâng đến nay, kiểm dịch 46,6 triệu con tôm sú giống, 551 triệu con tôm thẻ chân trắng; thu 31 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 16 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng.

e) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 102 lớp về công tác xây dựng nông thôn mới cho 1.870 lượt người dự. Nâng đến nay lồng ghép, tuyên truyền 576 cuộc cho 14.383 lượt người dự; công nhận 171.393 hộ (đạt 76,75% số phát động) và 317 ấp (chiếm 46,48%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Năm 2019 được phân bổ là 194,8 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 151 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 43,8 tỷ đồng), hiện đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Có thêm 01 xã đạt 19/19 tiêu chí, lũy kế đến nay có 40 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 47,06% (38 xã có quyết định công nhận, 02 xã đang hoàn chỉnh hồ sơ); 3 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 40 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 02 xã đạt dưới 10 tiêu chí; chuẩn bị tổ chức lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; kế hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

- Kinh tế hợp tác: Tổ chức 06 lớp tập huấn thành lập mới HTX. Nâng tổng số tổ chức 09 lớp trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Trà Cú và thị xã Duyên Hải; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX ban hành Hướng dẫn về lao động có trình độ, ngành nghề phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động chính của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

- Chương trình mỗi xã phường 1 sản phẩm chủ lực và kế hoạch ngành nghề nông thôn đã trình Sở Tài chính thẩm định kế hoạch xây dựng dự án thực hiện.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có; lắp đặt mới đồng hồ nước cho 756 hộ, nâng tổng số đã lắp đặt mới 3.020 đồng hồ nước.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

- Các địa phương tổ chức nạo vét 36 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 25.982 m, khối lượng 70.195 m³. Nâng tổng số đến nay đã thực hiện 64 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 30.037 m, khối lượng 95.336 m³ đạt 10,2% kế hoạch. Các huyện đang triển khai gồm: Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải; huyện Châu thành đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nhưng chờ thu hoạch xong lúa Đông Xuân mới tiến hành thi công; các huyện còn lại phối hợp đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Tiến độ thi công công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019 đạt 10% khối lượng; sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển đơn vị thi công tiến hành tập kết vật tư và phương tiện chuẩn bị thi công; đã khảo sát lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, đang trình thẩm tra và thẩm định kinh tế - kỹ thuật các công trình thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019; đang trình Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình khắc phục sạt lở kè tạm đầu phía Bắc công trình kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải gửi .

- Tổ chức 20 đợt kiểm tra tình hình đê điều, phát hiện 05 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã tổ chức 64 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành giáo dục và xử lý theo quy định.

- Triển khai thực hiện công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đường đal (54m) Xóm Đáy, ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú.

b) Công tác xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 26 dự án (13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 04 công trình phục vụ nuôi, khai thác thủy sản; 07 công trình đê, kè; 15 công trình dân dụng, giải ngân 64,7 tỷ đồng, đạt 13,5% kế hoạch. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện 03 công trình trên địa bàn tỉnh, gồm cống Tân Dinh, cống Bông Bót và kênh Mây phốp – Ngã Hậu, khối lượng đạt từ 40-50%.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Kiểm tra, đánh giá 11 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 05 cơ sở loại A, 06 cơ sở loại B; cấp mới 07 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và 08 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; thu 79 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (32 mẫu thủy sản). Nâng đến nay đã kiểm tra, đánh giá 27 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 09 cơ sở loại A, 18 cơ sở loại B; cấp mới 13 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và 19 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; thu 165 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP, kết quả 162 mẫu đạt chất lượng, 03 mẫu không đạt đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 48 tàu cá, đăng ký 06 tàu, xoá 01 tàu, cấp 13 sổ danh bạ (72 thuyền viên), cấp 42 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 177,8 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.701 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.870 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 164,6 triệu đồng. Nâng đến nay đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 216 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 34 tàu, xoá 08 tàu, cấp 55 sổ danh bạ (295 thuyền viên), cấp 117 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 486,6 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.193 tàu cá được đăng ký (tăng 01 tàu), tổng công suất 142.917 CV (tăng 1.278 CV), trong đó có 325 tàu khai thác xa bờ (tăng 03 tàu); tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 4.645 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 5.399 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 426,9 triệu đồng; cấp 14 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 240 tấn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 14 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 126 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, thu 40 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm để kiểm tra chất lượng, xử lý 40 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 287 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, thu 114 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 73 trường hợp vi phạm.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức được 81 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng rau màu, gia súc - gia cầm, dê sinh sản, nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi tôm thẻ kết hợp tôm càng xanh trong ao, nuôi tôm cua quảng canh cải tiến, biện pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng, cúm gia cầm cho 2.144 lượt nông dân dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện phát sóng trực tiếp về “Phòng chống dịch bệnh trong nuôi tôm”, tổ chức hội thảo mô hình “Canh tác lúa sử dụng phân bón thông minh (Rynan)” tại xã Phong Phú, huyện Cầu Kè.

Nâng tổng số đến nay tổ chức 105 lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác lúa sử dụng phân bón thông minh; kỹ thuật nuôi thủy sản cho 2.864 lượt nông dân dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 04 cuộc phát sóng trực tiếp; 03 cuộc hội thảo trình diễn máy sạ lúa theo khóm và đánh giá, nhân rộng các mô hình hiệu quả trên địa bàn tỉnh cho 215 lượt người dự, 04 bản tin thời sự. Tiếp tục theo dõi 05 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp và 09 mô hình thuộc các nguồn vốn kết hợp.

+ Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản; đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình, đến nay bò phát triển tốt, đã có 70 con bò mang thai.

+ Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh: Đã hoàn thành việc chọn hộ, ký hợp đồng mua cây giống, đang đấu thầu mua sắm vật liệu và thiết kế bảng vẽ xây dựng nhà lưới, đang thẩm định diện tích các hộ đã đăng ký thực hiện mô hình, triển khai thu đối ứng và chuẩn bị cấp cây giống.

+ Đề xuất Trung tâm Khuyến nông Quốc gia hỗ trợ đầu tư các mô hình khuyến nông thuộc Chương trình Khuyến nông Quốc gia 2019 và những năm tiếp theo với tổng vốn dự kiến đầu tư là 11 tỷ đồng.

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Tổ chức sản xuất 8,9 ha lúa giống (cấp xác nhận 1), đã thu hoạch và xử lý sau thu hoạch 6,6 ha; tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh và mô hình bưởi da xanh tạo nguồn cây đầu dòng; cung ứng 67,4 tấn lúa giống (31,16 tấn giống cấp nguyên chủng) và 83 cây giống các loại. Từ đầu năm đến nay cung ứng 252 cây giống các loại và 68,33 tấn lúa giống (31,16 tấn giống cấp nguyên chủng).

- Giống thủy sản: Nhập 1,5 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực và 02 triệu Nauplius tôm thẻ chân trắng ương dưỡng; chăm sóc 04 triệu con cá tra bột; nuôi vỗ đàn cá tra, bố mẹ chuẩn bị cho sinh sản; cá lóc sinh sản được 650 ngàn con. Xuất bán 1,085 triệu tôm càng xanh toàn đực; 2,235 triệu ấu trùng tôm sú, 405 ngàn ấu trùng tôm thẻ. Nâng tổng số xuất bán 5,035 triệu ấu trùng tôm sú, 805 ngàn ấu trùng tôm thẻ, 210 ngàn con cá lóc và 3,24 triệu con cá tra giống; điều tiết 30 ngàn con cua biển giống và 850 ngàn con tôm thẻ chân trắng.

- Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc 09 con dê bố mẹ và 05 con dê con, đàn vịt biển sinh sản và đàn gà tàu vàng đang sinh sản và gà tàu vàng tăng đàn; trong tháng gà, vịt đẻ 5.001 trứng (1.452 trứng gà), bán trứng thương phẩm 3.492 trứng (302 trứng gà), cung ứng 431 con gà giống và 280 con vịt giống. Nâng tổng số gà, vịt đẻ 15.114 trứng (4.406 trứng gà), bán trứng thương phẩm 10.290 trứng (900 trứng gà), cung ứng 531 con gà giống và 280 con vịt giống.

4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tiến độ thi công các công trình thủy lợi nội đồng còn chậm do tình hình

thu hoạch lúa Đông Xuân chưa xong khó thực hiện.

Chuyên gia và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế và bất cập. Các mô hình có hiệu quả nhân rộng chưa nhiều

Tình hình chăn nuôi đang dần hồi phục, các hộ chăn nuôi đã và đang đầu tư tái đàn.

Thời tiết nắng nóng kéo dài làm cho nhiệt độ môi trường ao nuôi không ổn định đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh. Ngoài ra, công tác phòng, chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

Kinh tế hợp tác phát triển còn chậm và hiệu quả chưa cao nên chưa thu hút nông dân tham gia, kế hoạch xã phường 1 sản phẩm chủ lực và kế hoạch ngành nghề nông thôn chậm thẩm định.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời.

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 5

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành:

Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về lĩnh vực chăn nuôi; hoàn chỉnh Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2024 và định mức kinh tế kỹ thuật các loại cây trồng, vật nuôi để lấy ý kiến của các Sở, ban ngành và địa phương có liên quan.

Phối hợp với đơn vị tư vấn thẩm định tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất Cảng cá Láng Chim, trại giống lúa Bình Phú; trại giống lúa Hùng Hoà và Trại giống thủy sản nước ngọt Tiểu Cần để chuyển nhượng cho doanh nghiệp đầu tư, khai thác sử dụng; tham mưu xây dựng thủ tục đăng ký nuôi các đối tượng thủy sản chủ lực trên địa bàn tỉnh.

Gửi hồ sơ lấy ý kiến của Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định 28/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

Trồng trọt: Hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích lúa Đông Xuân còn lại trên đồng; tổ chức điều tra tính giá thành sản xuất lúa vụ Đông Xuân năm 2019 báo cáo theo quy định; tuyên truyền, vận động nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa Hè Thu theo khung lịch thời vụ và cơ cấu giống theo khuyến cáo, hướng dẫn nông dân xử lý rơm rạ không để xảy ra ngộ độc phèn, ngộ độc hữu cơ. Theo dõi diễn biến rầy nâu trên đồng để có biện pháp phòng, chống và xử lý kịp thời. Kết hợp địa phương thống nhất diện tích, năng suất, sản

lượng cây màu vụ Đông Xuân, triển khai kế hoạch trồng màu vụ mùa, tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, mở rộng diện tích trồng hoa màu theo hướng an toàn; phối hợp với các Sở ngành và địa phương có liên quan xây dựng và thực hiện xây dựng nhãn hiệu 04 loại cây trồng chủ lực như: Lúa gạo, thanh long, bưởi da xanh và dứa; tăng cường quản lý giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; duy trì tổ chức khám bệnh lưu động để tư vấn, hướng dẫn phòng chống sâu bệnh trên cây trồng.

b) Chăn nuôi

Chỉ đạo đơn vị chuyên môn tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 485/SNN-CNTY ngày/09/4/2019 trên địa bàn tỉnh và vận động các hộ chăn nuôi thực hiện tiêm phòng cho đàn vật nuôi đặc biệt là Cúm gia cầm, LMLM gia súc trong thời điểm giao mùa, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; kết hợp địa phương tuyên truyền sâu rộng cho người chăn nuôi giúp nâng cao nhận thức về các loại bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; củng cố hoạt động kiểm soát giết mổ, kiểm tra việc vận chuyển, mua bán động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi năm 2019; xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức giáo dục Pháp luật về chăn nuôi để chuẩn bị thực hiện Luật chăn nuôi; tổ chức lại hệ thống giết mổ bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; cấp phát các tài liệu, tờ rơi và xây dựng các panô để tuyên truyền các bệnh nguy hiểm ở gia súc, gia cầm và hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh đến tận hộ nuôi nhằm góp phần kiểm soát tốt dịch cúm gia cầm, LMLM, dịch tả heo Châu Phi và đại chό, mề.

c) Thủy sản

Tổ chức tuyên truyền Luật thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và các văn bản dưới Luật; tăng cường hướng dẫn các quy trình kỹ thuật sản xuất các loài thủy sản chủ lực của Sở ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về điều kiện nuôi tôm nước lợ siêu thâm canh, công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; quản lý chặt các khu nuôi thủy sản tự phát, tránh lây lan dịch bệnh ảnh hưởng đến toàn vùng, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp xả thải gây ô nhiễm môi trường; khảo sát và thực hiện lựa chọn điểm thực hiện mô hình VietGAP thủy sản trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Tổng cục Thủy sản; phối hợp với trung tâm Icafish khảo sát về tình hình nuôi nghêu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tiếp tục theo dõi tiến độ thả nuôi tôm nước lợ ở các huyện ven biển và nuôi thủy sản ở các huyện vùng nước ngọt; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước và thu mẫu gáp xác phân tích mầm bệnh để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; cấp giấy phép, thống kê nghề khai thác thủy sản, tuyên truyền hỗ trợ ngư dân thành lập mới các tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển.

d) Lâm nghiệp

Trình phê duyệt Phương án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; phê duyệt kết quả đấu thầu thi công trồng rừng thuộc Dự án trồng rừng thay thế; kết hợp địa phương có rừng điều tra hiện trạng, xác định ranh giới và các tổ chức khoán bảo vệ rừng; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã; tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCC rừng, vận động các hộ dân sống ven rừng phi lao sử dụng lửa an toàn, không để xảy ra cháy rừng; tiếp tục hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng; tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm; giám sát thi công phương án Rà soát, chuyển đổi đất, rừng ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện kế hoạch Chương trình Lâm nghiệp bền vững 2019, xây dựng kế hoạch Lâm nghiệp bền vững năm 2020; sửa chữa pano tuyên truyền và tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu Tổ chức lễ công bố Quyết định của Thủ tướng chính phủ công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018; tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; phối hợp Sở, ngành và địa phương theo dõi và có kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới và tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh; tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2020; Chương trình phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2019.

Kinh tế hợp tác: Tổ chức 02 lớp tập huấn thành lập mới và củng cố HTX trên địa bàn huyện Càng Long, Châu Thành; triển khai Nghị Quyết số 78/2018-HĐND của Hội đồng nhân dân về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và các HTX trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/4/2019 về việc phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; tổng hợp báo cáo 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Triển khai thực hiện khi được cấp thẩm quyền phê duyệt Chương trình mỗi xã phường 1 sản phẩm chủ lực và kế hoạch ngành nghề nông thôn.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hóa Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được phê duyệt; lắp đặt đường ống dẫn nước phục vụ sinh hoạt cho xã Phước Hảo và Lương Hòa, huyện Châu Thành; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất

mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 700 hộ.

3. Công tác chuyên môn

Hoàn thành kế hoạch nâng cấp tờ tin khuyến nông thành tờ tin của Sở nông nghiệp và PTNT; tổ chức 70 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; triển khai thực hiện các mô hình thực hiện vốn sự nghiệp năm 2019 và các Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, dự án phối hợp Ngân hàng thế giới; In ấn và phát hành tờ tin Khuyến nông số 01/2019, tổng hợp tờ tin Khuyến nông số 02/2019; Xây dựng các dự án Khuyến nông Trung ương thực hiện từ năm 2020; phân công cán bộ trực tiếp tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ và các đối tượng cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

Theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn, đồng thời đôn đốc các địa phương triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng; công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và công trình chống hạn mặn năm 2019 nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; xác nhận diện tích sản xuất nông nghiệp, thủy sản năm 2018 được cung ứng nước tưới, tiêu được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; diện tích được hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019; theo dõi tiến độ thi công công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đoạn đường đèo Xóm Đáy, ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê nhằm xử lý kịp thời các sự cố, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão.

Phối hợp phòng Nông nghiệp & PTNT các huyện, Phòng Kinh tế tổ chức lớp tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm ngành nông nghiệp cho cán bộ xã, phường, thị trấn, các hộ kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, thanh tra để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi sử dụng chất không đúng quy định; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

Chăm sóc tốt đàn cá tra, cá lóc giống, ấu trùng tôm sú, tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh toàn đực; tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh trình phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm giống.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão; tổ chức xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản theo quy định.

Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y;

kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức 04 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, an toàn thực phẩm và kinh doanh vật tư nông nghiệp, kết hợp thu mẫu sản phẩm hàng hoá để phân tích, kiểm tra chất lượng; tiếp tục cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Chi cục Kiểm lâm.


Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và triển khai thực hiện các dự án thủy lợi thuộc nguồn vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019; triển khai Luật phòng, chống thiên tai, Luật Đề điều, Luật Thủy lợi và các văn bản dưới luật cho cán bộ cấp xã, ấp.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 4 và kế hoạch công tác tháng 5 năm 2019 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC *mm*



Phạm Minh Truyền

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN

THÁNG 4 NĂM 2019

(Tính đến ngày 15/4/2019)



| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Cùng kỳ | KH vụ/năm 2019 | TH tháng 4 | Ước thực hiện 4 tháng/2019 | % so sánh với | |
|------------|------------------------------|-------|----------------|------------------|----------------|----------------------------|----------------|---------------|
| | | | | | | | Cùng kỳ | Kế hoạch |
| A | B | C | 1 | 2 | | 3 | 4=3/1 | 5=3/2 |
| A | SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP | | | | | | | |
| I. | TRỒNG TRỌT | | | | | | | |
| | Tổng DT gieo trồng | Ha | 97.403 | 277.900 | 7.800 | 99.149 | 101,79% | 35,68% |
| | Cây lương thực có hạt | Ha | 73.544 | 227.600 | 5.383 | 75.947 | 103,27% | 33,37% |
| 1 | - Cây lúa | Ha | 71.406 | 222.600 | 5.090 | 73.909 | 103,51% | 33,20% |
| | - Sản lượng | Tấn | 354.630 | 1.244.900 | 254.951 | 325.144 | 91,69% | 26,12% |
| | Trong đó | | | | | | | |
| | Vụ mùa | | | | | | | |
| | - Diện tích gieo sạ | Ha | 2.367 | 1.600 | | 2.235 | 94,44% | 139,71% |
| | - Diện tích thu hoạch | Ha | 2.367 | 1.600 | | 2.235 | 94,44% | 139,71% |
| | - Năng suất bình quân | Tạ/ha | 45,23 | 45,00 | | 44,52 | 98,43% | 98,93% |
| | - Sản lượng | tấn | 10.705 | 7.200 | | 9.952 | 92,97% | 138,22% |
| | Vụ Đông - Xuân | | | | | | | |
| | - DT gieo sạ | ha | 66.418 | 66.000 | | 66.584 | 100,25% | 100,88% |
| | - Diện tích thu hoạch | Ha | 53.531 | 66.000 | 39.958 | 50.134 | 93,65% | 75,96% |
| | - Năng suất bình quân | Tạ/ha | 64,25 | 66,00 | 63,81 | 62,87 | 97,86% | 95,26% |
| | - Sản lượng | tấn | 343.925 | 435.600 | 254.951 | 315.192 | 91,65% | 72,36% |
| | Vụ Hè Thu | | | | | | | |
| | - Diện tích | Ha | 2.622 | 77.000 | 5.090 | 5.090 | 194,13% | 6,61% |
| | - Năng suất | Tạ/ha | | 52,00 | | | | |
| | - Sản lượng | tấn | | 400.400 | | | | |
| | Vụ Thu đông | | | | | | | |
| | - Diện tích | Ha | | 78.000 | | | | |
| | - Năng suất | Tạ/ha | | 51,50 | | | | |
| | - Sản lượng | tấn | | 401.700 | | | | |
| | Cây màu | | | | | | | |
| 2 | DT gieo trồng | Ha | 25.997 | 55.300 | 2.710 | 25.239 | 97,09% | 45,64% |
| | DT thu hoạch | Ha | 13.667 | 55.300 | 2.417 | 15.033 | 109,99% | 27,18% |
| | Sản lượng | tấn | 466.412 | 1.555.995 | 130.454 | 585.388 | 125,51% | 37,62% |
| 2.1 | Màu lương thực | | 3.314 | 7.900 | 456 | 3.207 | 96,77% | 40,59% |
| | Cây bắp | | | | | | | |
| | - Diện tích gieo trồng | Ha | 2.137 | 5.000 | 293 | 2.038 | 95,32% | 40,75% |
| | - Diện tích thu hoạch | " | 920 | 5.000 | 126 | 874 | 95,00% | 17,48% |
| | - Năng suất | Tạ/ha | 56,1 | 54,00 | 52,6 | 54,9 | 97,86% | 101,67% |
| | - Sản lượng | Tấn | 5.161 | 27.000 | 662 | 4.798 | 92,97% | 17,77% |
| | Khoai lang | | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 615 | 1.350 | 60 | 604 | 98,08% | 44,71% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 165 | 1.350 | 9 | 156 | 94,55% | 11,56% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 161,5 | 166,50 | 132,1 | 159,8 | 98,95% | 95,97% |
| | + Sản lượng | Tấn | 2.665 | 22.478 | 119 | 2.493 | 93,55% | 11,09% |
| | Sắn | | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 330 | 900 | 58 | 342 | 103,76% | 38,05% |

| STT | Chi tiêu | ĐVT | Cùng kỳ | KH vụ/năm 2019 | TH tháng 4 | Ước thực hiện 4 tháng/2019 | % so sánh với | |
|-------------|---------------------------------|----------|---------------|----------------------|---------------|----------------------------------|----------------|---------------|
| | | | | | | | Cùng kỳ | Kế hoạch |
| | + Diện tích thu hoạch | | 75 | 900 | 25,0 | 77 | 102,67% | 8,56% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 157,9 | 160,00 | 160,2 | 156,0 | 98,80% | 97,50% |
| | + Sản lượng | Tấn | 1.184 | 14.400 | 400,4 | 1.201 | 101,44% | 8,34% |
| | Cây có củ khác | | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 231 | 650 | 45 | 223 | 96,70% | 34,38% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 95 | 650 | - | 35 | 36,84% | 5,38% |
| 2.2 | Cây thực phẩm | Ha | 13.749 | 31.500 | 1.517 | 13.750 | 100,01% | 43,65% |
| | Rau các loại | | | | | | | |
| | + DT gieo trồng | Ha | 13.455 | 31.000 | 1.406 | 13.413 | 99,69% | 43,27% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 8.690 | 31.000 | 1.142 | 8.712 | 100,25% | 28,10% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 228,4 | 230,00 | 240,7 | 227,4 | 99,56% | 98,87% |
| | + Sản lượng | Tấn | 198.480 | 713.000 | 27.483 | 198.111 | 99,81% | 27,79% |
| | Đậu các loại | | | | | | | |
| | + DT gieo trồng | Ha | 294 | 500 | 112 | 338 | 114,87% | 67,50% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 62 | 500 | 26 | 83 | 133,87% | 16,60% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 18,2 | 17,33 | 19,8 | 18,5 | 101,65% | 106,75% |
| | + Sản lượng | Tấn | 113 | 910 | 52 | 154 | 136,08% | 16,87% |
| 2.3 | Cây công nghiệp hàng năm | | 8.934 | 15.900 | 737 | 8.282 | 92,70% | 52,09% |
| | Đậu phộng | Ha | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 3.523 | 5.100 | 105 | 3.501 | 99,35% | 68,64% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 1.150 | 5.100 | 85 | 1.163 | 101,13% | 22,80% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 53,86 | 51,29 | 54,10 | 54,10 | 100,45% | 105,47% |
| | + Sản lượng | Tấn | 6.194 | 26.160 | 460 | 6.292 | 101,58% | 24,05% |
| | Mía | | | | | | | |
| | + Diện tích trồng | Ha | 2.230 | 4.500 | 237 | 1.498 | 67,16% | 33,28% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 2.100 | 4.500 | 952 | 2.843 | 135,38% | 63,18% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 1.120 | 1.050 | 1.044 | 1.093 | 97,61% | 104,11% |
| | + Sản lượng | Tấn | 235.200 | 472.500 | 99.421 | 310.797 | 132,14% | 65,78% |
| | Cây lác (cói) | | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 1.169 | 2.700 | 396 | 1.199 | 102,50% | 44,40% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 170 | 2.700 | 30 | 277 | 162,94% | 10,26% |
| | + Năng suất | Tạ/ha | 114,0 | 115,00 | 108,7 | 108,6 | 95,26% | 94,43% |
| | + Sản lượng | Tấn | 1.938 | 31.050 | 326 | 3.008 | 155,22% | 9,69% |
| | Cây trồng khác | " | | | | | | |
| | + Diện tích gieo trồng | Ha | 2.011 | 3.600 | | 2.085 | 103,66% | 57,91% |
| | + Diện tích thu hoạch | " | 240 | 3.600 | 22 | 813 | 338,75% | 22,58% |
| B | LÂM NGHIỆP | | | | | | | |
| | - DT rừng trồng tập trung | Ha | | 60 | | | | |
| | - DT rừng trồng được chăm sóc | Ha | | 444 | | | | |
| | - DT giao khoán bảo vệ | Ha | | 5.452 | | | | |
| | - Cây lâm nghiệp phân tán | 1000 cây | | 75 | | | | |
| C | THỦY SẢN | | | | | | | |
| 1. | Tổng diện tích nuôi | Ha | 18.490 | 53.200 | 5.923 | 20.071 | 108,55% | 37,73% |
| 1.1. | Nuôi nước ngọt | " | 415,5 | 3.500 | 140,2 | 564,3 | 135,83% | 16,12% |
| | - Diện tích nuôi cá | " | 357 | 2.000 | 103 | 382 | 106,95% | 19,12% |
| | Trong đó: + Cá tra, cá ba sa | " | 5 | 40 | 2 | 14,72 | 286,94% | 36,80% |
| | Cá lóc | " | 68 | 270 | 27 | 90,19 | 132,59% | 33,40% |
| | - Diện tích nuôi giáp xác | " | 58 | 1.500 | 37 | 182,00 | 313,79% | 12,13% |
| | Trong đó: tôm càng xanh | " | 58 | 1.500 | 37 | 182,00 | 313,79% | 12,13% |

| STT | Chi tiêu | ĐVT | Cùng kỳ | KH vụ/năm 2019 | TH tháng 4 | Ước thực hiện 4 tháng/2019 | % so sánh với | |
|--------------|--|-----------|---------------|----------------------|---------------|----------------------------------|----------------|---------------|
| | | | | | | | Cùng kỳ | Kế hoạch |
| | - Diện tích nuôi khác | " | | | | | | |
| 1.2. | Nuôi nước mặn, lợ | Ha | 18.075 | 49.700 | 5.782 | 19.507 | 107,92% | 39,25% |
| | - Diện tích nuôi cá | | | | | | | |
| | - Diện tích nuôi giáp xác | " | 18.075 | 48.700 | 5.782 | 19.507 | 107,92% | 40,06% |
| | Trong đó: + Tôm sú | " | 14.721 | 21.700 | 4.735 | 16.103 | 109,39% | 74,21% |
| | + Tôm thẻ chân trắng | " | 3.152 | 8.500 | 941 | 3.051 | 96,78% | 35,89% |
| | + Cua biển | " | 202 | 18.500 | 107 | 353 | 174,79% | 1,91% |
| | - Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ) | " | | 1.000 | | | | 0,00% |
| 2 | Tổng sản lượng thủy sản | Tấn | 44.291 | 218.000 | 17.175 | 54.124 | 122,20% | 24,83% |
| 2.1 | Tổng sản lượng nuôi | Tấn | 21.904 | 140.000 | 10.831 | 30.378 | 138,69% | 21,70% |
| 2.1.2 | Nuôi nước ngọt | Tấn | 13.579 | 76.500 | 5.746 | 19.365 | 142,62% | 25,31% |
| | - Sản lượng cá | " | 12.893 | 75.000 | 5.673 | 18.636 | 144,55% | 24,85% |
| | Trong đó: cá tra, cá ba sa | " | 2.341,0 | 20.000 | 1.331 | 4.010,3 | 171,31% | 20,05% |
| | Cá lóc | " | 7.189,6 | 35.000 | 3.702 | 11.436,9 | 159,07% | 32,68% |
| | Tôm càng xanh | " | 685,78 | 1.500 | 72 | 729,05 | 106,31% | 48,60% |
| 2.1.3 | Nuôi nước mặn, lợ | Tấn | 8.325 | 63.500 | 5.085 | 11.012 | 132,28% | 17,34% |
| | - Sản lượng cá nuôi | " | | | | | | |
| | - Sản lượng giáp xác | " | 8.244 | 58.500 | 5.020 | 10.917 | 132,42% | 18,66% |
| | Trong đó: + Tôm sú | " | 1.538,16 | 12.000 | 954 | 2.015 | 130,97% | 16,79% |
| | + Tôm thẻ chân trắng | " | 6.054 | 39.000 | 3.395 | 7.726 | 127,63% | 19,81% |
| | + Nuôi cua biển | " | 652,50 | 7.500 | 671 | 1.177 | 180,31% | 15,69% |
| | - Sản lượng thủy sản khác | " | 81 | 5.000 | 65 | 95 | 117,28% | 1,90% |
| 2.2 | Tổng sản lượng khai thác | Tấn | 22.387 | 78.000 | 6.344 | 23.746 | 106,07% | 30,44% |
| 2.2.1 | Khai thác biển | " | 19.251 | 68.000 | 5.698 | 20.880 | 108,46% | 30,71% |
| | + Cá các loại | " | 8.614 | 29.000 | 2.663 | 9.627,26 | 111,77% | 33,20% |
| | + Tôm các loại | " | 2.639 | 9.000 | 745,6 | 2.683,10 | 101,69% | 29,81% |
| | + Thủy sản khác | " | 7.998 | 30.000 | 2.289 | 8.569,59 | 107,14% | 28,57% |
| 2.2.2 | Khai thác nội địa | Tấn | 3.136 | 10.000 | 646 | 2.866 | 91,39% | 28,66% |
| | + Cá các loại | " | 1.515 | 5.000 | 377 | 1.461,07 | 96,46% | 29,22% |
| | + Tôm các loại | " | 1.163 | 3.000 | 159 | 980,94 | 84,37% | 32,70% |
| | + Thủy sản khác | " | 459 | 2.000 | 110 | 424,27 | 92,42% | 21,21% |
| | <i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i> | | | | | | | |
| | - Tổng số hộ thả nuôi | Lượt hộ | 12.247 | | 4.241 | 14.791 | 120,77% | |
| | - Số hộ bị thiệt hại | Lượt hộ | 395 | | 461 | 923 | 233,67% | |
| | - Diện tích thả nuôi | Ha | 14.721 | | 4.735 | 16.103 | 109,39% | |
| | - Diện tích bị thiệt hại | Ha | 156 | | 169 | 327 | 209,79% | |
| | - Số con giống thả nuôi | Triệu con | 966 | | 337 | 1.097 | 113,58% | |
| | - Số con giống bị thiệt hại | Triệu con | 37 | | 42 | 149 | 399,52% | |
| | - Tỷ lệ con giống bị thiệt hại | % | 4 | | 12 | 14 | 351,74% | |
| | <i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i> | | | | | | | |
| | - Tổng số hộ thả nuôi | Lượt hộ | 7.817 | | 5.655 | 8.423 | 107,75% | |
| | - Số hộ bị thiệt hại | Lượt hộ | 989 | | 1.129 | 1.457 | 147,32% | |
| | - Diện tích thả nuôi | Ha | 3.152 | | 2.015 | 3.051 | 96,78% | |
| | - Diện tích bị thiệt hại | Ha | 349 | | 299 | 457 | 130,93% | |
| | - Số con giống thả nuôi | Triệu con | 1.792 | | 945 | 1.706 | 95,17% | |
| | - Số con giống bị thiệt hại | Triệu con | 215 | | 167 | 275 | 127,62% | |
| | - Tỷ lệ con giống bị thiệt hại | % | 12 | | 18 | 16 | 134,10% | |